

Hướng dẫn soạn Unit 2 Reading Tiếng Anh 6 Friends Plus, giải bài tập Reading Unit 2 sách Tiếng Anh 6 Friends Plus.

## Giải bài tập Tiếng Anh 6 Unit 2 Reading

Thực hiện các yêu cầu của SGK khi [giải bài tập Tiếng Anh 6 Chân trời sáng tạo](#) trang 26 về đọc hiểu.

### Think!

**Have you got a big family? How many people live in your house?** (*Hãy nghĩ xem! Em có một đại gia đình không? Bao nhiêu người sống trong nhà của em?*)

### Trả lời

I haven't got a big family. There are four people in my house.

### Dịch

Tôi không có một đại gia đình. Nhà tôi có 4 người thôi.

### Exercise 1

Look at the photo. Choose and write a title a-c for the text. Then read the text and check your idea. (Nhìn bức ảnh. Chọn và viết một tiêu đề a-c cho bài đọc. Sau đó đọc và kiểm tra ý kiến của em.)

- a. Big family, big problems (Gia đình nhiều con, nhiều vấn đề)
- b. An easy life for the Radfords (Cuộc sống nhẹ nhàng cho gia đình Radfords)
- c. Happy house (Ngôi nhà hạnh phúc)

### Trả lời

- c. Happy house (Ngôi nhà hạnh phúc)

.....

Sue and Noel Radford have got 22 sons and daughters and they've also got six grandchildren. It's a big family, and they're very organised.

Noel gets up at 4.45 a.m., has breakfast and goes to work. The children get up at 6.45 a.m.

Sue works at home. Her older daughter sometimes helps with the housework. The younger children don't help. They watch TV with their brothers and sisters. Sue doesn't watch TV a lot. The Radfords don't usually go to restaurants because it's expensive.

The young children normally go to bed at 7 p.m., the older ones at 8 pm. or 9 p.m. and their parents go to bed just before 10 p.m.

### *Dịch*

Sue và Noel Radford có 22 con trai và con gái và họ cũng có sáu đứa cháu. Đó là một gia đình lớn và họ rất có tổ chức.

Noel dậy lúc 4h45, ăn sáng và đi làm. Bọn trẻ dậy lúc 6 giờ 45 sáng.

Sue làm việc tại nhà. Con gái lớn của cô đôi khi phụ giúp việc nhà. Những đứa trẻ nhỏ hơn không giúp được gì. Chúng xem tivi với anh chị em của chúng. Sue không xem tivi nhiều. Gia đình Radfords không thường đến nhà hàng vì nó đắt tiền.

Trẻ nhỏ thường đi ngủ lúc 7 giờ tối, trẻ lớn hơn lúc 8 giờ tối hoặc 9 giờ tối và cha mẹ của họ đi ngủ ngay trước 10 giờ tối.

### **SKILLS STRATEGY (CHIẾN LƯỢC KỸ NĂNG)**

How to predict the meanings of words: (Cách dự đoán nghĩa của các từ)

- First, look at the context. (*Đầu tiên, hãy nhìn vào bối cảnh.*)

- Then, scan the text to find the meanings of the words, for example, this text is about family members. When you find out the meaning of one family member, it will be easier to work out the rest. (*Sau đó, đọc lướt văn bản để tìm nghĩa của các từ, ví dụ, văn bản này nói về các thành viên trong gia đình. Khi bạn tìm ra ý nghĩa của một thành viên trong gia đình, bạn sẽ dễ dàng tìm ra những người còn lại.*)

### **Exercise 2**

**Read the Skills Strategy. Then read and listen to the text and choose the correct words.** (*Đọc chiến lược kỹ năng. Sau đó đọc và nghe văn bản và chọn các từ đúng.*)

1. Noel has breakfast / doesn't have breakfast with his family.
2. The younger children help/don't help their older sister.

3. They have dinner at a restaurant/ at home.
4. The parents often / always go to bed after the older children go to bed.

### Trả lời

1. doesn't have breakfast

=> Noel doesn't have breakfast with his family. (Noel không ăn sáng với gia đình.)

2. don't help

=> The younger children don't help their older sister. (Các em nhỏ không giúp đỡ chị gái của mình.)

3. at home

=> They have dinner at at home. (Họ ăn tối ở nhà.)

4. always

=> The parents always go to bed after the older children go to bed. (Cha mẹ luôn đi ngủ sau khi con lớn đi ngủ.)

### Exercise 3

**VOCABULARY PLUS.** Use a dictionary to check the meanings of the words in blue in the text. (*Từ vựng bổ sung: Sử dụng từ điển để kiểm tra nghĩa của các từ màu xanh trong bài đọc.*)

### Trả lời

- sons: con trai
- daughters: con gái
- grandchildren: cháu (nội/ ngoại)
- brothers: anh/ em trai
- sisters: chị/ em gái
- parents: bố mẹ

## Exercise 4 - Use it!

**Work in groups. Talk about the Radfords and your daily routines. What are the differences?** (*Thực hành! Làm việc theo nhóm. Nói về gia đình Radfords và các hoạt động hàng ngày của em. Khác nhau ở điểm nào?*)

### Trả lời

- Noel gets up at 4.45 a.m., has breakfast and goes to work, but my father gets up at 6:00 a.m, has breakfast at the market near our house and goes to work. (*Noel dậy lúc 4 giờ 45, ăn sáng và đi làm, nhưng bố tôi dậy lúc 6 giờ sáng, ăn sáng ở chợ gần nhà và đi làm.*)
- The children get up at 6.45 a.m, but I and my brother get up at 6:00 a.m because we have to be at school before 7:00 a.m. (*Bọn trẻ dậy lúc 6 giờ 45, nhưng tôi và anh trai dậy lúc 6 giờ vì chúng tôi phải đến trường trước 7 giờ sáng.*)
- Sue works at home, but my mother works at the market. (*Sue làm việc ở nhà, nhưng mẹ tôi làm việc ở chợ.*)
- Her older daughter sometimes helps with the housework and the younger children don't help, but I and my brother always help my mother after school. (*Con gái lớn của chị thỉnh thoảng giúp việc nhà còn các cháu nhỏ thì không giúp, nhưng tôi và anh trai luôn giúp mẹ sau giờ học.*)
- They watch TV with their brothers and sisters, but I and my never watch TV together. (*Họ xem TV với anh chị em của họ, nhưng tôi và tôi không bao giờ xem TV cùng nhau.*)
- The Radfords don't usually go to restaurant, and my family always have meals at home as well. (*Nhà Radfords không thường đến nhà hàng, và gia đình tôi luôn dùng bữa ở nhà.*)
- The young children normally go to bed at 7 p.m., the older ones at 8 pm. or 9 p.m. and their parents go to bed just before 10 p.m; my family always go to bed at the same time at 9 p.m. (*Trẻ nhỏ thường đi ngủ lúc 7 giờ tối, trẻ lớn đi ngủ lúc 8 giờ tối hoặc 9 giờ tối và cha mẹ của họ đi ngủ ngay trước 10 giờ tối; gia đình tôi luôn đi ngủ vào lúc 9 giờ tối.*)

-/-

**Giải bài tập Tiếng Anh 6 Unit 2 Reading sách Chân trời sáng tạo** do Đọc tài liệu tổng hợp, hi vọng sẽ giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 6 thật thú vị và dễ dàng.